

Bản án số: 14/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 05/05/2022.

V/v “ly hôn và nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Đức Hoàng**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Phạm Xoa**.

2. Ông **Huỳnh Thanh Trà**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Lành** - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Ngô Thị Thảo Nguyên** – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 169/2021/TLST - HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2021 về việc “Ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 03 năm 2022; và quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2022/QĐHPTST-HNGĐ ngày 07/4/2022; giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thị Bích N**, sinh năm 1990. Địa chỉ: Số 15 đường Nguyễn S, phường H, quận H, TP. Đà N.(có mặt)

*** Bị đơn:** Ông **Lê Hữu T**, sinh năm 1984. Địa chỉ: K372/20 đường Phan C, phường B, quận H, thành phố Đ. (Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 11/10/2021, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà **Nguyễn Thị Bích N** trình bày:

+ *Về quan hệ hôn nhân:* Bà và ông Lê Hữu T kết hôn vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND phường B, quận H, thành phố Đ (Số 78/2012, quyển số 1/2012 ngày 23/8/2012) hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, ông bà sống tại K372/20 đường Phan C, phường B, quận H, thành phố Đ một thời gian, sau đó thuê nhà tại số 15 đường Nguyễn S, phường H, quận H, TP. Đà N sinh sống, vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 4/2021 là phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân chính là do ông T sống không có trách nhiệm với gia đình, hay cãi vã và dẫn đến hai vợ chồng gay gắt bất hòa; ông T hay lên mạng bôi nhọ bà N và dẫn đến vợ chồng không hạnh phúc, bà và ông T đã ly thân từ tháng 4/2021 đến nay và không ai có trách nhiệm gì với nhau cả, mặc dù hai bên gia đình can ngăn nhưng vẫn không hạnh phúc.

Vì vậy, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Hữu T.

Về quan hệ con chung: Bà N xác định vợ chồng có hai con chung, nguyện vọng bà Ly hôn xin được nuôi Lê Nguyễn Thiên K sinh ngày 24/11/2014 cho bà N và giao con Lê Hữu Nhật M, sinh ngày 16/12/2016 cho ông T trực tiếp nuôi con và không ai phải cấp dưỡng nuôi con;

Tuy nhiên tại phiên Tòa bà có bổ sung, thay đổi về việc nuôi con, bà yêu cầu được nuôi cả hai con, ông T cấp dưỡng mỗi tháng 3.000.000/ 2 con, cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà N xác định không có, nên HĐXX không đề cập giải quyết .

***Trong quá trình giải quyết vụ án,** Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông Lê Hữu T tham gia tố tụng để giải quyết vụ án nhưng ông T vẫn không có mặt trong các phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay, mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ, nhưng ông không có ý kiến phản hồi với yêu cầu khởi kiện của bà N.

***Tại phiên tòa,** đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án là tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung, đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

+Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà N về việc ly hôn với ông T.

+Về con chung có 02 con chung. Ly hôn giao 02 con Lê Nguyễn Thiên K sinh ngày 24/11/2014 và con Lê Hữu Nhật M, sinh ngày 16/12/2016 con cho bà N trực tiếp nuôi con và ông T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng/ 02 con cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

+ Về tài sản chung và nợ chung : Không có nên không đề cập giải quyết.

+Án phí phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

-Thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông **Lê Hữu T**, sinh năm 1984. Địa chỉ: K372/20 đường Phan C, phường B, quận H, thành phố Đ; Vì vậy, Tòa án nhân dân quận Hải Châu thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Trong quá trình giải quyết vụ án Bị đơn ông Lê Hữu T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng tại phiên tòa vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Ngân về việc ly hôn với ông Trung; HĐXX xét thấy bà N và ông T kết hôn vào năm 2012, đăng ký kết hôn tại

UBND phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng (Số 78/2012, quyển số 1/2012 ngày 23/8/2012) ; Căn cứ các điều 8, 9 Luật Hôn nhân gia đình, như vậy hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà N kiên quyết xin ly hôn với ông T, nguyên nhân dẫn đến ly hôn bà cho rằng ông T sống không có trách nhiệm với gia đình, hay đi chơi với gái, bôi nhọ bà dẫn đến vợ chồng không hạnh phúc và ly thân từ tháng 4/2021 đến nay và không ai có trách nhiệm gì với nhau cả, mặc dù hai bên gia đình can ngăn nhưng vẫn không hạnh phúc. Nay bà N không còn tình cảm đối với ông T, nên đề nghị Tòa án cho bà ly hôn với ông Lê Hữu T.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông Lê Hữu T tham gia tố tụng để giải quyết vụ án, nhưng ông T vẫn cố tình không có mặt trong các phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay, chứng tỏ ông T không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình; để mặc cho hậu quả xảy ra, mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ, nhưng ông trung vẫn không có ý kiến phản hồi, nên Tòa án không thu thập được lời khai của ông T; vì vậy ông T phải chịu hậu quả của việc không cung cấp lời khai, tài liệu chứng cứ cho Tòa án.

Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, cũng như biên bản xác minh và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, điều này chứng minh tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà N đề nghị được ly hôn với ông T là có căn cứ. HĐXX áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Bích N đối với ông Lê Hữu T.

[2.2] Về quan hệ con chung: Bà N xác định vợ chồng có hai con chung, nguyện vọng bà ly hôn xin được nuôi hai con Lê Nguyễn Thiên K sinh ngày 24/11/2014 và giao con Lê Hữu Nhật M, sinh ngày 16/12/2016 và ông T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng /02 con cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; HĐXX xét thấy con chung hiện nay đang ở với bà N, chăm sóc và nuôi dưỡng, cháu Thiên K cũng có nguyện vọng ở với mẹ; Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T lại không có ý kiến phản hồi gì đối với yêu cầu của bà N; vì vậy việc bà N yêu cầu nuôi 02 con và yêu cầu ông T cấp dưỡng là phù hợp; căn cứ Điều 81,82, 83 nên cần được chấp nhận yêu cầu của bà N.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà N xác định không có nên HĐXX không đề cập giải quyết .

[3] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng bà N phải chịu.

[3.1] Về án phí cấp dưỡng nuôi con : 300.000 đồng ông Lê Hữu T phải chịu.

[4] Xét ý kiến của đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu: Về việc giải quyết vụ án phù hợp với quy định của pháp luật, cũng như nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82 và 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 468 Bộ luật dân sự;

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bích N đối với ông Lê Hữu T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Bích N được ly hôn với ông Lê Hữu T.

2. Về quan hệ con chung: Giao con Lê Nguyễn Thiên K sinh ngày 24/11/2014 và con Lê Hữu Nhật M, sinh ngày 16/12/2016 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng và ông T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng /02 con cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Các bên đương sự vẫn có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Bên không nuôi con có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết vì lợi ích con chung các bên có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người có nghĩa vụ thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Bích N xác định không có, nên HĐXX không đề cập giải quyết.

4. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng bà Nguyễn Thị Bích N phải chịu, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000501 ngày 24/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu. Bà Nguyễn Thị Bích N đã nộp đủ án phí.

5. Về án phí cấp dưỡng nuôi con : 300.000 đồng ông Lê Hữu T phải chịu.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND quận Hải Châu;
- Thi hành án Q Hải Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Đức Hoàng

